

Số: 515/QĐ-ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 19 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy chế thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Quản lý Đào tạo, Khảo thí & ĐBCLĐT, Hành chính quản trị, Tổ chức cán bộ, Vật tư - Trang thiết bị, Tài chính kế toán, Công tác Quản lý sinh viên, Quản lý KHCN&HTQT, Công nghệ thông tin, Thư viện và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/ *Thư*

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

QUY CHẾ

**Thực hiện công khai về cam kết chất lượng
giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính
tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-ĐHKTYTHD
ngày 19 / 9 /2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (sau đây gọi tắt là Trường).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát, đánh giá Trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của Trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của Trường

1. Cam kết chất lượng giáo dục bao gồm: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của Trường; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt cho người học, chương trình đào tạo mà Trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (Theo Biểu mẫu 1).

2. Chất lượng giáo dục thực tế bao gồm: công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp; tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô người học ở các trình độ, hình thức đào tạo theo từng khối ngành đào tạo. Đối với tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường cần công khai số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (Theo Biểu mẫu 2).

3. Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

4. Các môn học, học phần của từng khóa học, chuyên ngành: công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, học phần, nội dung và tiến trình giảng dạy, giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

5. Giáo trình, tài liệu tham khảo do Trường tổ chức biên soạn: công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

6. Khóa luận tốt nghiệp của người học có trình độ đại học trở lên: công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

7. Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương, cơ sở y tế và doanh nghiệp (nếu có): các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

8. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

9. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

10. Hội nghị, hội thảo khoa học do Trường tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự.

11. Kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo: công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Điều 5. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng học thực hành, lâm sàng; nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, học liệu của thư viện; diện tích đất / sinh viên, diện tích sàn / sinh viên (Theo Biểu mẫu 3).

2. Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng xếp theo khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỉ lệ sinh viên / giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Theo Biểu mẫu 4).

Sơ lược lý lịch của giảng viên: họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Điều 6. Công khai thu chi tài chính

1. Tình hình tài chính của Nhà trường

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

2. Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (Theo Biểu mẫu 5).

3. Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giảng viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên / 01 sinh viên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

5. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

6. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

7. Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 7. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

b) Niêm yết công khai tại Nhà trường đảm bảo thuận tiện để xem xét. Thời điểm công khai là tháng 6 hằng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại điểm a và b khoản 1 của Điều này, còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Công khai trong nội dung kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường.

b) Phổ biến hoặc phát tài liệu cho sinh viên đang học tại Trường vào tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Các khoa, bộ môn, trung tâm, đơn vị trực thuộc Trường phải có các tài liệu in đầy đủ về các nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của Trường, đơn vị; sẵn sàng phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian các khoa, bộ môn, trung tâm và đơn vị làm việc.

b) Đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 của Quy chế này được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất là tháng 4 hằng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân cấp trách nhiệm thống kê các nội dung công khai

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Phòng/Trung tâm liên quan hoàn thiện thống kê các nội dung công khai quy định tại Điều 4, 5, 6 của Quy chế này; trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 11, Điều 4 của Quy chế này.

2. Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa/Bộ môn chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, Điều 4 của Quy chế này.

3. Phòng Công tác Quản lý sinh viên trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 2, Điều 4; Khoản 5, 6, Điều 6 của Quy chế này.

4. Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 8, 10, Điều 4 của Quy chế này.

5. Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo chăm sóc sức khỏe cộng đồng trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 7, 9, Điều 4 của Quy chế này.

6. Phòng Hành chính quản trị phối hợp với phòng Vật tư – Trang thiết bị, Thư viện chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

7. Phòng Tổ chức cán bộ trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 2, Điều 5 của Quy chế này.

8. Phòng Tài chính Kế toán trực tiếp chịu trách nhiệm thống kê các nội dung công khai tại Khoản 1, 2, 3, 4, 7, Điều 6 của Quy chế này.

Điều 9. Phân cấp trách nhiệm thực hiện hình thức và thời điểm công khai

1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo có trách nhiệm thực hiện công khai các nội dung cần công khai theo quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Quy chế này. Đồng thời, Phòng có trách nhiệm giám sát các đơn vị liên quan về việc thực hiện công khai theo phân cấp trách nhiệm tại Khoản 2, 3, 4, Điều này.

2. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm thực hiện công khai các nội dung cần công khai theo quy định tại mục a, Khoản 2 và mục b, Khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

3. Phòng Công tác Quản lý sinh viên có trách nhiệm thực hiện công khai các nội dung cần công khai theo quy định tại mục b, Khoản 2, Điều 7 của Quy chế này.

4. Tất cả các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm thực hiện công khai các nội dung cần công khai theo quy định tại mục a, Khoản 3, Điều 7 của Quy chế này.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm lãnh đạo việc thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này; thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Hàng năm, Phòng KT&ĐBCLĐT có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và xây dựng kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới được gửi cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và Bộ Y tế trước 30 tháng 9 hằng năm.

3. Trường và các đơn vị trực thuộc trường có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Nhà trường.

4. Trường thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

- a) Công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường.
- b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên được biết.
- c) Công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Điều 11. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí phục vụ hoạt động thống kê các nội dung công khai được trích từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của Nhà trường.

2. Phòng KT&ĐBCLĐT là đầu mối thực hiện thanh toán hoạt động thống kê các nội dung công khai của các đơn vị, căn cứ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các quy định hiện hành, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung do Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng KT&ĐBCLĐT./.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Diệu Hằng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 515/QĐ-ĐHKTYTHD ngày 19 tháng 9 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Biểu mẫu 01: Công khai cam kết chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

Biểu mẫu 02: Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

Biểu mẫu 03: Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

Biểu mẫu 04: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

Biểu mẫu 05: Công khai tài chính của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

Biểu mẫu 1

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng giáo dục
của trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học ...**

1. Chuyên ngành đào tạo ... (theo từng mã ngành đào tạo cấp IV)

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo đại học	
		Chính quy	Vừa làm vừa học
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh		
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường		
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp		

...

...

Hải Dương, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 2

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học...

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô đào tạo đại học	
		Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số		
1	Khối ngành VI		

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành VI					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1					
2					

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do Nhà trường tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1			
2			

E. Công khai thông tin về khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1				
2				

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do Nhà trường tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng thực tiễn
1						
2						

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

Hải Dương, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 3

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO**Công khai thông tin cơ sở vật chất**

của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất Nhà trường quản lý sử dụng				
	...				
	...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học				
	...				
	...				
	...				
	...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng học thực hành, lâm sàng, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Trang thiết bị chính	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
							Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...								
2	Phòng thực hành...								
3	Phòng học lâm sàng...								

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Trang thiết bị chính	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
							Sở hữu	Liên kết	Thuê
4	Nhà tập đa năng								
5	Hội trường								
6	Phòng học...								
7	Phòng học đa phương tiện...								
8	Thư viện...								
9	Các phòng chức năng khác								

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sàn/sinh viên	

Hải Dương, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 4

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
	Khối ngành VI											
	Ngành...											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo					Chuyên ngành giảng dạy
					Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	
	Khối ngành VI									
	...									
	...									
	Tổng				

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu quy đổi
	Khối ngành VI	

Hải Dương, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

Biểu mẫu 5

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO**Công khai tài chính****của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học ...**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ 01 SV/ năm học...	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy			
1	Đại học			
	...	Triệu đồng/năm		
	...	Triệu đồng/năm		
II	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học			
	...	Triệu đồng/năm		
	...	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm ...	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

Hải Dương, ngày tháng năm**HIỆU TRƯỞNG**